

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 7 năm 2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Xuân Q, xã Văn Q, huyện Lập T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã Bình P, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang ở Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ cụ thể.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T;

Địa chỉ: Khu 3, xã Bình P, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ;

(Chị Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn D, ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Lê Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình B (nay là xã Bình P), huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ ngày 15/9/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau không được hòa thuận, hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2017 anh D đi xuất khẩu lao động, từ đó đến nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tình cảm với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Mạnh Đ, sinh ngày 16/11/2015 và cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 18/01/2017. Hiện các cháu đang ở cùng ông bà nội là ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T, nay chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị M xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M tự nguyện chịu toàn bộ.

Phía bị đơn: Anh Lê Văn D hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 3983/QLXNC-P5 ngày 28/02/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh D đã xuất cảnh ngày 05/02/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do chị M không biết địa chỉ của anh D ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ của anh Lê Văn D nhưng ông Đ và bà T không hợp tác làm việc, không cung cấp địa chỉ của anh D ở nước ngoài.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn: Thực hiện khởi kiện đảm bảo các nội dung quy định, nộp đơn, tài liệu làm chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Cụ thể Tòa án đã báo gọi nhưng đương sự không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án đã phải niêm yết và tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 53, 56. Điều 81. 82, 83, 123 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 469; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lê Văn D:

Về con chung: Giao cho chị M nuôi dưỡng cháu Lê Mạnh Đ - sinh 16/11/2015 và cháu Lê Ngọc Anh - sinh 18/01/2017. Anh D không phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị M. Người nào không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sẽ được thăm non con chung mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn D đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Bình P, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 3983/QLXNC-P5 ngày 28/02/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh D đã xuất cảnh ngày 05/02/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này anh D không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị M đề nghị xin ly hôn với anh D và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh D mà không cung cấp được địa chỉ anh D ở chỗ nào tại nước ngoài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D thông qua người thân ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ của anh D. Tuy nhiên, ông Đ, bà T từ chối không nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay anh D. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị M, anh D tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Bộ (Nay là xã Bình P), huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nay chị M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh D. Về phía anh D vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã làm việc với ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ của anh D, mặc dù ông Đ bà T chỉ trình bày bằng miệng không ký vào biên bản nhưng thể hiện anh D hiện đang lao động tại Nhật Bản không có địa chỉ cụ thể, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại và mạng xã hội, anh D đã biết việc chị

M đề nghị ly hôn và anh D xác định cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn từ lâu nên anh nhất trí ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương cũng xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị M và anh D đã có nhiều mâu thuẫn, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Văn Q, huyện Lập T, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh D không có mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, không có bản tự khai gửi Tòa án thể hiện anh D từ chối quyền trình bày tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống của chị M, anh D có mâu thuẫn, hiện nay không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị M được ly hôn anh D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh D có hai con chung là cháu Lê Mạnh Đ, sinh ngày 16/11/2015 và cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 18/01/2017. Hiện các cháu đang ở cùng ông bà nội là ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T ở xã Bình P, huyện Phù N. Chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Xét thấy: Nguyên vọng của chị M được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lê Mạnh Đ và cháu Lê Ngọc A. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Đ nhưng không được. Việc lấy ý kiến của người con, xem xét nguyện vọng của người con từ đủ 07 tuổi trở lên. Tuy nhiên, Tòa án phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con để quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh D đang ở nước ngoài không ở Việt Nam, mặt khác ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Đ và cháu A nhưng không hợp tác, không làm việc với Tòa án. Vì vậy giao cháu Đ và cháu A cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M do chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lê Văn D.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Lê Mạnh Đ, sinh ngày 16/11/2015 và cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 18/01/2017. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M do chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000439 ngày 13/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng